**PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN HỌC CƠ SỞ PHÙ HỢP CHO LƯU HỌC SINH LÀO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP LUẬT ĐỒNG HỚI**

***Khoa Đào tạo cơ bản***

Chất lượng dạy và học là mối quan tâm hàng đầu của mỗi Nhà trường, trong đó tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố quan trọng quyết định. Bước sang năm học mới, ngoài đối tượng là các em học sinh THPT, THCS trên các tỉnh Bắc miền Trung, Nhà trường còn tiếp nhận gần 300 Lưu học sinh Lào học chương trình văn hóa và trung cấp luật tại Trường. Việc đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học cơ sở nói chung và chất lượng dạy và học các môn học cơ sở cho Lưu học sinh Lào nói riêng là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu mà Khoa Đào tạo cơ bản đặt ra trong năm học 2017 - 2018. Với tinh thần đó, các giáo viên đã tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu phương pháp giảng dạy phù hợp cho đối tượng đặc biệt này.

**I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHI ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHO LƯU HỌC SINH LÀO**

**1. Đặc thù đối tượng người học**

Qua thực tiễn nhận thấy các Lưu học sinh Lào gặp nhiều khó khăn trong việc thích ứng với quá trình học tập tại Trường, đặc biệt về ngôn ngữ tiếng Việt, chương trình văn hóa, phương pháp học tập. Theo Khoa, những khó khăn trên xuất phát từ những nhân cơ bản sau:

*Thứ nhất, khác biệt về chương trình đào tạo*

Chương trình học tập phổ thông tại Việt Nam cao hơn nhiều so với ở Lào.Vì vậy**,**Lưu học sinh Lào gặp rất nhiều khó khăn khi học tập kiến thức phổ thông tại Việt Nam.

*Thứ hai, trình độ tiếng Việt của Lưu học sinh Lào chưa đáp ứng được việc học tập*

          Khi trò chuyện, quan sát, phần lớn giáo viên đều nhận thấy Lưu học sinh Lào đều biết sử dụng tiếng Việt để giao tiếp thông thường khá tốt, nhưng trình độ tiếng Việt để học các môn khoa học chuyên ngành Luật chưa đáp ứng được. Các em có vốn từ chuyên ngành quá mỏng nên rất khó khăn để tiếp thu kiến thức chuyên ngành Luật.

*Thứ ba, đặc thù của chuyên ngành Luật*

Có thể nói đây là những môn học có tính lý luận, nhiều thuật ngữ chuyên ngành nên đòi hỏi người học phải có một trình độ khái quát, am hiểu kiến thức tổng hợp, vốn tiếng Việt tốt… Trong khi đó, Lưu học sinh Lào bị hạn chế bởi trình độ kiến thức phổ thông, trình độ tiếng Việt nên các em càng gặp nhiều khó khăn khi học tập. Đồng thời, nếu so sánh với học sinh ViệtNam theo học tại Trường, khả năng tiếp thu các môn học Luật của các em lưu học sinh bước đầu sẽ yếu hơn vì các em chưa bao giờ được tiếp cận các quy định pháp luật ở đời sống thường ngày.

**2. Yêu cầu chung khi tiến hành sử dụng các phương pháp**

***2.1. Đối với người dạy***

- Xác định rõ đối tượng người học cụ thể ở đây là Lưu học sinh Lào mang những đặc thù riêng.

- Được tập huấn, bổ sung kiến thức thường xuyên để thích ứng với những thay đổi về chức năng, nhiệm vụ rất đa dạng, phức tạp của mình; nhiệt tình, tâm huyết với công việc; phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề, biết ứng xử tinh tế, biết ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học...

- Có kế hoạch xây dựng chương trình kế hoạch bài giảng, giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc dạy học.

- Phương tiện dạy học phải được trang bị đầy đủ. Cơ sở vật chất của nhà trường cũng cần hỗ trợ đắc lực cho việc tổ chức dạy học được thay đổi dễ dàng, linh hoạt, phù hợp với dạy học cá thể, dạy học hợp tác. Đặc biệt trong thời gian tới, Nhà trường cần xây dựng phòng thực hành để phục vụ cho quá trình giảng dạy được tốt hơn.

- Thay đổi các hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển trí thông minh sáng tạo của học sinh, khuyến khích vận dụng linh hoạt các kiến thức kĩ năng đã học vào những tình huống thực tế, bám sát mục tiêu bài học.

- Phải có sự ủng hộ từ phía lãnh đạo trường thông qua việc ủng hộ, khuyến khích mỗi sáng kiến dù nhỏ của mỗi giáo viên, đồng thời cũng cần có sự hướng dẫn, giúp đỡ giáo viên vận dụng các môn học này trong thực tế giảng dạy.

- Để giảng dạy tốt cho học sinh Lào, giáo viên cần áp dụng linh hoạt, mềm dẻo các kỹ năng sư phạm trong giảng dạy và truyền đạt kiến thức. Đồng thời, vận dụng và sử dụng những công cụ, phương tiện, phương pháp dạy học để giúp học sinh biết, hiểu được kiến thức, vận dụng các quy định pháp luật vào tình huống thực tiễn.

***2.2. Đối với người học***

Người học phải có một số kỹ năng cần thiết cũng như phẩm chất và năng lực đảm bảo thích ứng với mỗi phương pháp.

**II. ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI LƯU HỌC SINH LÀO**

**1. Phương pháp truyền thống**

**Phương pháp giảng dạy truyền thống**là những cách thức dạy học quen thuộc được truyền từ lâu đời và được bảo tồn, duy trì qua nhiều thế hệ. Về cơ bản, phương pháp giảng dạy này lấy hoạt động của người thầy là trung tâm. Thực hiện lối dạy này, giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, là "kho tri thức" sống, học sinh là người nghe, nhớ, ghi chép và suy nghĩ theo. Với phương pháp giảng dạy truyền thống, giáo viên là chủ thể, là tâm điểm, học sinh là khách thể, là quỹ đạo. Giáo án dạy theo phương pháp này được thiết kế kiểu đường thẳng theo hướng từ trên xuống. Do đặc điểm hàn lâm của kiến thức nên nội dung bài dạy theo phương pháp truyền thống có tính hệ thống, tính logic cao. Song do quá đề cao người dạy nên nhược điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống là học sinh thụ động tiếp thu kiến thức, giờ dạy dễ đơn điệu, buồn tẻ, kiến thức thiên về lý luận, ít chú ý đến kỹ năng thực hành của người học; do đó kỹ năng hành dụng vào đời sống thực tế bị hạn chế. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên về đối tượng người học, đặt ra yêu cầu về việc áp dụng linh hoạt phương pháp giảng dạy truyền thống. Trong phạm vi bài nghiên cứu, Khoa đề cập đến một số phương pháp giảng dạy truyền thống cơ bản như: Thuyết trình; trình bày trực quan, phương pháp vấn đáp. Tùy vào đặc trưng từng môn học cơ sở, giáo viên chủ động áp dụng linh hoạt, phối kết hợp một số phương pháp khác.

***1.1. Phương pháp thuyết trình***

*a) Khái niệm*

Phương pháp thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói sinh động của giáo viên để trình bày một tài liệu mới hoặc tổng kết những tri thức mà học sinh đã thu lượm được một cách có hệ thống.

*b) Ưu điểm*

- Cho phép giáo viên truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà học sinh tự mình không dễ dàng tìm hiểu được một cách sâu sắc.

- Giúp học sinh nắm được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, xúc tích thông qua cách trình bày của giáo viên.

- Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của học sinh qua việc trình bày tài liệu với giọng nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp và diễn cảm.

- Tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của học sinh, vì có như vậy học sinh mới hiểu được lời giảng của giáo viên và mới ghi nhớ được bài học.

- Bằng phương pháp thuyết trình, giáo viên có thể truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều học sinh trong cùng một lúc, vì vậy đảm bảo tinh kinh tế cao.

*c) Nhược điểm*

- Làm cho học sinh thụ động, chỉ sử dụng chủ yếu thính giác cùng với tư duy tái hiện, do đó làm cho họ chóng mệt mỏi.

- Làm cho học sinh thiếu tính tích cực trong việc phát triển ngôn ngữ nói.

- Thiếu điều kiện cho phép giáo viên chú ý đầy đủ đến trình độ nhận thức cũng như kiểm tra đầy đủ sự lĩnh hội tri thức của từng học sinh.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

- Đối với giáo viên

+ Trình bày chính xác các hiện tượng, sự kiện, khái niệm, định luật, vạch ra bản chất của vấn đề, ý nghĩa tư tưởng, chính trị của tài liệu học tập.

+ Trình bày phải đảm bảo tính tuần tự logic, rõ ràng, dễ hiểu với lời nói gọn, rõ, sáng sủa, giàu hình tượng, chuẩn xác, súc tích.

+ Trình bày phải thu hút và duy trì sự chú ý, gây được hứng thú, hướng dẫn tư duy của học sinh thông qua giọng nói, tốc độ nói, âm lượng thay đổi thích hợp, qua các mẩu chuyện vui đúng lúc, qua cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, kết hợp lời nói với điệu bộ, nét mặt, biết đưa những lời trích dẫn vào đúng lúc, đúng chỗ.

+ Trình bày phải đảm bảo cho học sinh ghi chép được những vấn đề cơ bản và qua đó mà dạy cho họ biết cách vừa ghi vừa tập trung nghe giảng.

- Đối với học sinh

+ Tập trung cao độ trong giờ học.

+ Rèn luyện kỹ năng vừa ghi vừa tập trung nghe giảng vừa lĩnh hội kiến thức.

+ Nắm bắt chuẩn thông tin mà người giảng truyền đạt, tránh hiểu sai lệch, nếu có vấn đề chưa rõ có thể hỏi lại giáo viên.

*e) Quy trình thực hiện*

Gồm 4 bước:

*- Bước 1:* *Đặt vấn đề*

Là bước đầu tiên nhằm thông báo vấn đề dưới dạng tổng quát để kích thích sự chú ý ban đầu của học sinh.

*- Bước 2: Phát biểu vấn đề*

Là bước nêu lên những câu hỏi cụ thể nhằm vạch ra phạm vi những vấn đề cần phải xem xét.

- *Bước 3:* *Giải quyết vấn đề:*

Bước này có thể tiến hành theo logic quy nạp hay logic diễn dịch.

+ Logic quy nạp là con đường nhận thức từ sự kiện, hiện tượng đến cái chung, cái khái quát, từ những trường hợp cụ thể đến quy luật, khái niệm, nguyên tắc. Theo logic quy nạp có thể có ba cách trình bày. Đó là: Quy nạp phân tích từng vấn đề đặt ra ở bước phát triển vấn đề tương đối độc lập với nhau. Vì vậy có thể giải quyết từng vấn đề, rút ra kết luận rồi chuyển sang giải quyết vấn đề khác.

+ Quy nạp phát triển: Nêu vấn đề được giải quyết theo lối móc xích, nghĩa là giải quyết xong từng vấn đề thứ nhất thì kết luận rút ra sẽ lại làm tiền đề cho việc giải quyết vấn đề tiếp theo. Trong việc chứng minh các bài toán hình học thường gặp loại quy nạp này.

+ Quy nạp song song - đối chiếu: Nêu vấn đề đặt ra phải giải quyết chứa đựng những mặt tương phản, đối lập.

+ Logic diễn dịch là con đường nhận thức từ nguyên lý chung đến cái cụ thể. Theo logic diễn dich, bắt đầu đưa ra các kết luận sơ bộ khái quát, sau đó tiến hành giải quyết có thể theo ba cách: phân tích từng phần, phân tích phát triển, phân tích so sánh – đối chiếu.

*- Bước 4: Kết luận*

Là bước kết thúc việc trình bày vấn đề. Nó là sự kết tinh dưới dạng xúc tích, chính xác những khái quát bản chất của vấn đề đưa ra xem xét.

Cách đặt vấn đề và cách phát biểu vấn đề có thể tiến hành bằng cách thông báo tái hiện hoặc có tính vấn đề. Cách giải quyết vấn đề có thể bằng logic quy nạp hay logic diễn dịch. Điều đó chứng tỏ cấu trúc của phương pháp thuyết trình đã phản ánh mặt bên trong và mặt bên ngoài của phương pháp dạy học nói chung và phương pháp thuyết trình nói riêng.

***1.2. Phương pháp trình bày trực quan***

*a) Khái niệm*

Là phương pháp sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới trong khi ôn tập, củng cố, hệ thống hóa và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

Phương pháp trình bày trực quan thể hiện dưới hai hình thức minh họa và trình bày.

*b) Ưu điểm*

+Thông qua sự trình bày thí nghiệm của giáo viên mà học sinh không chỉ lĩnh hội dễ dàng tri thức mà còn giúp họ học tập được những động tác mẫu mực của giáo viên, nhờ vậy, dễ dàng hình thành kỹ năng, kỹ xảo biểu diễn thí nghiệm.

+ Giúp học sinh được tiếp cận với thực tiễn, từ đó có góc nhìn chân thật, phục vụ đắc lực cho thực tế công việc sau này của mình.

+ Học sinh sẽ hứng thú, chú ý hơn đối với bài học, tăng cường khả năng phân tích và tư duy của các em.

*c) Nhược điểm*

+ Phương pháp này đòi hỏi nhiều thời gian, giáo cần tính toán kĩ để phù hợp với thời lượng đã quy định.

+ Nếu sử dụng đồ dùng trực quan không khéo sẽ làm phân tán chú ý của học sinh, dẫn đến học sinh không lĩnh hội được những nội dung chính của bài học.

+ Khi sử dụng đồ dùng trực quan, đặc biệt là khi quan sát tranh ảnh, các phim điện ảnh, phim video, nếu giáo viên không định hướng cho học sinh quan sát sẽ dễ dẫn đến tình trạng học sinh sa đà vào những chi tiết nhỏ lẻ, không quan trọng

*d) Quy trình thực hiện*

- Giáo viên treo những đồ dùng trực quan có tính chất minh họa và nêu yêu cầu định hướng cho sự quan sát của học sinh.

- Giáo viên trình bày các nội dung trong sơ đồ, video...

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày lại, giải thích nội dung đã được giáo viên trình bày.

- Từ những chi tiết, thông tin học sinh thu được từ phương tiện trực quan, giáo viên nêu câu hỏi yêu cầu học sinh rút ra kết luận khái quát về vấn đề mà phương tiện trực quan cần chuyển tải.

\* Ví dụ áp dụng phương pháp: Giáo viên tổ bộ môn Hình sự - Tố tụng hình sự hướng dẫn, giúp đỡ các em làm quen, phân tích, đưa ra phương án đối với những tình huống thực tế thông qua hoạt động làm bài tập, diễn án, xem các video về các phiên tòa thực tế....

***1.3. Phương pháp vấn đáp***

*a) Khái niệm*

Phương pháp vấn đáp là phương pháp mà giáo viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để học sinh trả lời nhằm gợi mở cho học sinh sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích luỹ được trong cuộc sống; củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được, qua đó kiểm tra, đánh giá và giúp học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá việc lĩnh hội tri thức.

*b) Ưu điểm*

Nếu vận dụng khéo léo phương pháp vấn đáp sẽ có tác dụng quan trọng sau:

- Điều khiển có hiệu quả hoạt động tư duy của học sinh, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của học sinh.

- Bồi dưỡng cho học sinh năng lực diễn đạt bằng lời những vấn đề khoa học một cách chính xác, đầy đủ, xúc tích.

- Giúp giáo viên thu được tín hiệu ngược từ học sinh một cách nhanh, gọn, kịp thời để kịp điều chỉnh hoạt động của mình và của học sinh. Đồng thời qua đó mà học sinh cũng thu được tín hiệu ngược để kịp thời điều chỉnh hoạt động nhận thức, học tập của mình. Ngoài ra, thông qua đó mà giáo viên có khả năng chỉ đạo hoạt động nhận thức của cả lớp và của từng học sinh.

*c) Nhược điểm*

- Nếu vận dụng không khéo phương pháp vấn đáp sẽ dễ làm mất thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch lên lớp, biến vấn đáp thành cuộc đối thoại giữa giáo viên và một vài học sinh, không thu hút toàn lớp tham gia vào hoạt động chung.

- Nếu câu hỏi đặt ra chỉ đòi hỏi nhớ lại tri thức một cách máy móc thì sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển tư duy logic, tư duy sáng tạo của học sinh.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

*- Đối với giáo viên*

+ Giáo viên cần phải phải đặt câu hỏi cho toàn lớp rồi mới chỉ định học sinh trả lời. Khi một học sinh trả lời xong, cần yêu cầu những học sinh khác nhận xét, bổ sung, sửa chữa câu trả lời nhằm thu hút sự chú ý lắng nghe câu trả lời của bạn. Qua đó kích thích hoạt động chung của cả lớp.

+ Khi học sinh trả lời, giáo viên cần lắng nghe. Nếu cần thiết đặt thêm câu hỏi phụ, câu hỏi gợi mở dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi chính.

+ Cần có thái độ bình tĩnh khi học sinh trả lời sai hoặc thiếu chính xác, tránh thái độ nôn nóng, vội vàng cắt ngang ý của học sinh khi không thật cần thiết. Chú ý uốn nắn, bổ sung câu trả lời của học sinh, giúp họ hệ thống hoá lại những tri thức đã thu được trong quá trình vấn đáp.

+ Không chỉ chú ý kết quả câu trả lời của học sinh mà cả cách diễn đạt câu trả lời của họ một cách chính xác, rõ ràng, hợp logic. Đó là điều kiện quan trọng để phát triển tư duy logic của họ.

+ Cần chú ý sử dụng mọi biện pháp nhằm thúc đẩy học sinh mạnh dạn nêu thắc mắc và khéo léo sử dụng thắc mắc đó để tạo nên tình huống có vấn đề và thu hút toàn lớp tham gia thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Qua đó có thể góp phần lấp lỗ hổng, chữa những sai lầm hoặc hiểu chưa chính xác những nội dung học tập của học sinh.

+ Câu hỏi phải có nội dung chính xác, rõ ràng, sát với mục đích, yêu cầu của bài học, không làm cho học sinh có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau.

+ Câu hỏi phải sát với từng loại đối tượng học sinh, nghĩa là phải có nhiều câu hỏi ở các mức độ khác nhau, không quá dễ và cũng không quá khó.

+ Nên chú ý đặt các câu hỏi mở để học sinh đưa ra nhiều phương án trả lời và phát huy được tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

*- Đối với học sinh*

+ Chú ý lắng nghe các câu hỏi giáo viên đưa ra.

+ Tư duy, trả lời câu hỏi.

*e) Quy trình thực hiện*

Việc áp dụng phương pháp vấn đáp cần thực hiện trong 3 giai đoạn sau:

*\* Trước giờ học:*

- *Bước 1*: Xác định mục tiêu bài học và đối tượng dạy học; xác định các đơn vị kiến thức kĩ năng cơ bản trong bài học và tìm cách diễn đạt các nội dung này dưới dạng câu hỏi gợi ý, dẫn dắt học sinh.

**-** *Bước 2*: Dự kiến nội dung các câu hỏi, hình thức hỏi, thời điểm đặt câu hỏi (đặt câu hỏi ở chỗ nào?), trình tự của các câu hỏi (câu hỏi trước phải làm nền cho các câu hỏi tiếp sau hoặc định hướng suy nghĩ để học sinh giải quyết vấn đề). Dự kiến nội dung các câu trả lời của học sinh, trong đó dự kiến những "lỗ hổng" về mặt kiến thức cũng như những khó khăn, sai lầm phổ biến mà học sinh thường mắc phải. Dự kiến các câu nhận xét hoặc trả lời của giáo viên đối với học sinh.

**-** *Bước 3*: Dự kiến những câu hỏi phụ để tùy tình hình từng đối tượng cụ thể mà tiếp tục gợi ý, dẫn dắt học sinh.

*\* Trong giờ học:*

*Bước 4*: Giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi dự kiến (phù hợp với trình độ nhận thức của từng đối tượng học sinh) trong tiến trình bài dạy và chú ý thu thập thông tin phản hồi từ phía học sinh.

*\* Sau giờ học:*

Giáo viên chú ý rút kinh nghiệm về tính rõ ràng, chính xác và trật tự logic của hệ thống câu hỏi đã được sử dụng trong giờ dạy.

**2. Phương pháp hiện đại**

**Phương pháp giảng dạy hiện đại** xuất hiện ở các nước phương Tây (ở Mỹ, ở Pháp...) từ đầu thế kỷ XX và được phát triển mạnh từ nửa sau của thế kỷ, có ảnh hưởng sâu rộng tới các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đó là cách thức giảng dạy theo lối phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Vì thế thường gọi phương pháp này là phương pháp giảng dạy tích cực; ở đó, giáo viên là người giữ vài trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới  theo kiểu tranh luận, hội thảo theo nhóm. Người thầy có vai trò là trọng tài, cố vấn điều khiển tiến trình giờ dạy. Phương pháp giảng dạy này rất đáng chú ý đến đối tượng học sinh, coi trọng việc nâng cao quyền năng cho người học. Giáo viên là người nêu tình huống, kích thích hứng thú, suy nghĩ và phân xử các ý kiến đối lập của học sinh; từ đó hệ thống hoá các vấn đề, tổng kết bài giảng, khắc sâu những tri thức cần nắm vững. Ưu điểm của phương pháp giảng dạy tích cực rất chú trọng kỹ năng thực hành, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn, coi trọng rèn luyện và tự học. Đặc điểm của dạy học theo phương pháp này là giảm bớt thuyết trình, diễn giải; tăng cường dẫn dắt, điều khiển, tổ chức, xử lý tình huống song nếu không tập trung cao, học sinh sẽ không hệ thống và logic. Yêu cầu của phương pháp giảng dạy tích cực cần có các phương tiện dạy học, học sinh chuẩn bị bài kỹ ở nhà trước khi đến lớp và phải mạnh dạn, tự tin bộc lộ ý kiến, quan điểm. Giáo viên phải chuẩn bị kỹ bài giảng, thiết kế giờ dạy, lường trước các tình huống để chủ động tổ chức giờ dạy có sự phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động của thầy và hoạt động của trò.

***2.1. Phương pháp làm việc nhóm***

*a) Khái niệm*

Làm việc nhóm là một trong những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học, dạy học hướng về người học mà theo đó, lớp được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm được phân công giải quyết một công việc cụ thể hướng tới một nội dung công việc chung lớn hơn; kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng.

*b) Ưu điểm*

- Làm việc theo nhóm là một cách học cho phép tất cả các thành viên trong nhóm giải quyết một cam kết làm việc được mô tả rõ ràng, không được giảng viên dẫn dắt trực tiếp mà chỉ nhờ vào sự hợp tác chặt chẽ và phân công công việc trong nhóm nhỏ. Phương pháp này thích hợp cho việc trao đổi trong nhóm, đưa ra những cách thức giải quyết đầy tính sáng tạo; kích thích sự hợp tác của tất cả các thành viên trong nhóm cùng tham gia vào việc giải quyết một vấn đề.

- Làm việc theo nhóm thỏa mãn nhu cầu học tập cá nhân, phù hợp với việc học hướng tới người học; khuyến khích sự độc lập tự chủ, người học có thể đưa ra những giải pháp, cách biểu đạt riêng cho vấn đề nào đó. Nếu trong phương pháp thuyết trình, người học chỉ có thể trao đổi với nhau được rất ít thì trong làm việc theo nhóm các thành viên tham gia có cơ hội đưa ra quan điểm của mình đối với chủ đề thảo luận, mặt khác ở đó cũng đòi hỏi tăng cường tư duy độc lập và trao đổi lẫn nhau trong nhóm.

- Trong khi thực hiện phương pháp làm việc theo nhóm, giảng viên đóng vai trò là người chuyển giao kiến thức và hiểu biết, chuẩn bị, tổ chức, theo dõi việc thực hiện và đánh giá tổng kết kết quả làm việc của các nhóm. Như vậy công việc của giảng viên trong làm việc theo nhóm không bao giờ là thừa, trái lại đó là một sự cần thiết để giúp cho các nhóm đạt được kết quả trong việc tìm ra những giải pháp, câu trả lời cho vấn đề được đưa ra.

*c) Nhược điểm*

- Những học sinh nhút nhát hoặc vì một lí do nào đó không tham gia vào hoạt động chung cuả nhóm, nên nếu giáo viên không phân công, chia nhóm hợp lí có thể dẫn đến tình trạng chỉ có một vài học sinh tham gia còn đa số học sinh khác không hoạt động.

- Ý kiến các nhóm có thể quá phân tán hoặc mâu thuẫn gay gắt với nhau. (đặc biệt là đối với các môn Luật).

- Thời gian có thể bị kéo dài.

- Với những lớp có sĩ số đông hoặc lớp học chật hẹp, bàn ghế khó di chuyển thì khó tổ chức hoạt động nhóm. Khi tranh luận, dễ dẫn tới lớp ồn ào, ảnh hưởng đến các lớp khác.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

*- Đối với giáo viên*

+ Yêu cầu tất cả các thành viên tham dự và kích thích sự suy nghĩ của họ.

+ Các thành viên tham dự trong nhóm cần bám vào một chủ đề và tìm ra giải pháp giải quyết vấn đề đó.

+ Chủ đề thích hợp cho làm việc nhóm.

+ Việc giao nhiệm vụ của giảng viên phải rõ ràng, cụ thể và chặt chẽ và cần có sự chuẩn bị chu đáo về đề tài làm việc.

+ Nếu kiến thức, kỹ năng của các thành viên tham gia làm việc theo nhóm còn hạn chế, giáo viên cần có sự gợi ý "châm ngòi " cho cuộc thảo luận.

*- Đối với học sinh*

+ Cần có những kiến thức cơ sở về đề tài làm việc nhóm.

+ Tích cực đóng góp ý kiến, thảo luận chung.

+ Các thành viên phải nắm vững nhiệm vụ trong làm việc nhóm và tiến trình, lịch làm việc.

+ Học sinh cần có kiến thức, kỹ năng làm việc theo nhóm.

+ Các thành viên tham gia làm việc theo nhóm cần có thái độ làm việc nghiêm túc, tích cực.

+ Nhóm: Từ 4 đến 6 học sinh cho một nhóm là số lượng tương đối phù hợp cho buổi làm việc theo nhóm, nếu quá ít hay quá nhiều đều khó phát huy được sự hợp tác của các thành viên trong giải quyết nhiệm vụ.

*e) Quy trình thực hiện*

Phương pháp làm việc nhóm đươc thực hiện theo các bước sau:

\* *Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ*

- Nêu và giải thích rõ ràng mục tiêu làm việc, giao nhiệm vụ một cách rõ ràng cho từng nhóm làm việc để mỗi thành viên trong nhóm hiểu được công việc cần phải làm và mô tả một cách cụ thể cách thực hiện các nhiệm vụ đó. Cần lưu ý là nếu không đề ra nhiệm vụ rõ ràng thì không có được kết quả thuyết phục. Những mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung làm việc theo nhóm có thể được viết ra giấy và phát cho mỗi nhóm.

- Định thời gian làm việc của mỗi nhóm kể cả giờ giải lao.

- Ấn định thời gian họp lại sau khi thảo luận nhóm (để báo cáo kết quả làm việc ở nhóm).

- Dự kiến địa điểm và chuẩn bị những điều kiện tối thiếu cho nơi làm việc của mỗi nhóm.

- Nêu cách thức làm việc của nhóm.

- Cung cấp các thông tin liên quan với chủ đề.

- Thông báo công việc của giảng viên trong thời gian các nhóm làm việc.

*\* Bước 2: Chia nhóm*

- Xác định số lượng người của mỗi phù hợp với yêu cầu làm việc. Thực hiện việc chia nhóm theo những cách: ngẫu nhiên ( phát bìa, thẻ, điểm số...), theo sự chỉ định của giáo viên hoặc theo sở thích của học sinh.

- Cung cấp những câu hỏi định hướng quá trình làm việc của nhóm.

***\**** *Bước 3: Làm việc trong nhóm:*

- Các nhóm tiến hành làm việc theo nhóm.

- Giáo viên tham gia quản lý và định hướng làm việc cùng các nhóm, hỗ trợ cho các nhóm khi cần thiết.

\* *Bước 4*: Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác đóng góp ý kiến và tham gia tranh luận.

\* *Bước 5*: Giáo viên tổng kết và rút ra kết luận về đề tài đã đưa ra.

***2.2. Seminar***

*a) Khái niệm*

[Seminar](http://kenhsinhvien.vn/tag/seminar/) là một dạng [hội thảo](http://kenhsinhvien.vn/tag/hoi-thao/), nghiên cứu chuyên đề, có thể hiểu đơn giản là một hình thức học tập, mà trong đó người [học chủ động](http://kenhsinhvien.vn/tag/hoc-chu-dong/) hoàn toàn từ khâu chuẩn bị tài liệu, trình bày nội dung đưa dẫn chứng, trao đổi, thảo luận với các thành viên khác và cuối cùng tự rút ra nội dung bài học hay vấn đề khoa học cũng như đề xuất các ý kiến để mở rộng nội dung dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Trong seminar, người học “vừa phải tự học, trình bày những thu hoạch của mình qua tự học, lại vừa phải tranh luận với các bạn để bảo vệ cái đúng, bác bỏ cái sai”.

*b) Ưu điểm*

+ Giúp học sinh chủ động trong việc chuẩn bị, tìm hiểu kiến thức;

+ Rèn luyện kĩ năng thuyết trình và tranh luận;

- Nhược điểm

+ Khá tốn thời gian;

+ Đòi hỏi nguồn tư liệu phong phú.

*c) Quy trình thực hiện*

- Lớp học chia thành từng nhóm lớn (có thể chia thành 2 nhóm/lớp, tùy vào số lượng lớp học cụ thể, trong nhóm có đủ thành phần học sinh có học lực giỏi, khá, trung bình, yếu). Giáo viên chia nhóm lớp ngay buổi đầu tiên giới thiệu môn học.

- Các nhóm tự bầu nhóm trưởng, tự phân công thành viên trong nhóm thực hiện các nhiệm vụ.

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm về nhà chuẩn bị trước.

*d) Các bước tiến hành*

*Bước 1:* Chuẩn bị

- Nêu đề tài thuyết trình, thảo luận: Đề tài là những vấn đề cơ bản của chương trình môn học, gây được hứng thú sáng tạo, nghiên cứu của học sinh; học sinh chọn trong phạm vi đề tài giáo viên khống chế, hoặc tự đề xuất.

- Nghiên cứu tài liệu (hoặc thực tiễn)

- Viết bài thuyết trình: Giáo viên gợi ý cấu trúc, độ dài và hình thức trình bày. Bài thuyết trình tránh sao chép lại nguyên văn giáo trình mà phải có sự tổng hợp, khái quát, đối chiếu so sánh nhất định giữa các tài liệu (quan điểm); phải có ý kiến riêng của học sinh. Nộp trước bản mềm hoặc bản cứng cho giáo viên (trước buổi thuyết trình ít nhất 1 buổi).

*Bước 2:* Thực hiện

- Tổ chức lớp học

+ Lớp học nên sắp xếp theo hình vòng tròn, hoặc hình chữ U (khi cần sử dụng bảng và các phương tiện kỹ thuật) để tạo cảm giác đối thoại thân thiện.

+ Học sinh có thể đứng tại chỗ hoặc lên trước lớp để thuyết trình, đặt câu hỏi hoặc trình bày ý kiến.

- Thuyết trình

+ Kết hợp thuyết trình xen kẽ với thảo luận;

+ Mỗi học sinh đại diện nhóm trình bày trong khoảng 10-15 phút; dựa vào đề cương để nói, chỉ đọc trong những trường hợp cần thiết; có thể sử dụng bảng hoặc các phương tiện kỹ thuật để minh họa; tốc độ trình bày vừa phải, có nhắc lại những điểm quan trọng để người nghe dễ ghi chép.

+ Sau khi học sinh thuyết trình xong, giáo viên nhận xét sơ lược về nội dung và cách trình bày và chuyển qua phần thảo luận.

- Thảo luận, tranh luận

+ Học sinh của các nhóm khác đặt câu hỏi liên quan về đề tài vừa được thuyết trình cho người trình bày (hoặc cho giáo viên);

+ Câu hỏi không nên chỉ tập trung vào câu hỏi nhận diện, câu hỏi chất vấn, giải thích, mà chủ yếu là câu hỏi phân tích lý giải, câu hỏi so sánh - đối chiếu, câu hỏi liên hệ - phát triển đề tài. Người trả lời được phép chuẩn bị một thời gian cần thiết và có thể tham khảo các ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

+ Giáo viên khẳng định lại ý kiến đã trả lời và bổ sung mở rộng nâng cao ở những chỗ cần thiết. Trong trường hợp có sự bất đồng giữa các học sinh, giáo viên đưa ra đáp án cuối cùng, giải đáp thắc mắc của học sinh.

*Bước 3:* Kết luận, tổng kết và cho điểm.

*e) Ví dụ minh họa*

Chương 4: Quyền con người (3 tiết)

Sau khi học xong 2 tiết lý thuyết, giáo viên giao chủ đề cho các nhóm thực hiện vào tiết 3 của chương học: Những điểm mới của Hiến pháp 2013 so với Hiến pháp 1992 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?

Yêu cầu những nội dung chính cần có trong bản thuyết trình của các nhóm:

Chương II được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và bố cục lại Chương V của Hiến pháp năm 1992. So với Hiến pháp năm 1992 Hiến pháp năm 2013 có những điểm mới sau:

- Bổ sung cụm từ "Quyền con người" vào tên chương;

- Nhiều quy định về quyền con người được sử dụng với thuật ngữ dùng chung là "mọi người".

- Bổ sung một nguyên tắc hiến định, đó là quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14).

- Một số quyền được quy định theo hướng chuyển từ quyền công dân sang quy định cho cả quyền con người.

- Quy định thêm các quyền công dân mới;

- Bổ sung một số quyền mới là kết quả của quá trình phát triển đổi mới đất nước, phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nghĩa vụ nộp thuế được sửa đổi về chủ thể là mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47) mà không chỉ công dân có nghĩa vụ nộp thuế như Hiến pháp năm 1992.

**3. Một số kỹ năng, công cụ hỗ trợ khác**

***3.1. Kỹ năng tra cứu, sử dụng tài liệu***

*a) Khái niệm*

Phương pháp tra cứu, sử dụng tài liệu là tổng hợp các cách thức để tìm kiếm, tra cứu và sử dụng tài liệu trong quá trình dạy và học.

*b) Ưu điểm*

*Thứ nhất*, phương pháp tra cứu, sử dụng tài liệu tạo tính chủ động cho học sinh. Chủ động là tự mình quyết định hành động, không bị chi phối bởi người khác hoặc hoàn cảnh bên ngoài.Trong quá trình học tập, đặc biệt là đối với chương trình trung cấp luật nói chung, việc tra cứu văn bản pháp luật và các loại văn bản khác là rất cần thiết. Việc tìm kiếm và sử dụng các văn bản pháp luật sẽ giúp học sinh làm chủ và cập nhật được các kiến thức cần thiết của môn học mà không quá lệ thuộc vào giáo trình và sự hướng dẫn của người dạy.

*Thứ hai*, phương pháp này sẽ giúp học sinh phát triển kỹ năng tra cứu, sử dụng tài liệu trong quá trình học tập. Quá trình học tập sẽ phải sử dụng nhiều loại tài liệu khác nhau, khi học sinh tìm kiếm và thường xuyên áp dụng phương pháp này trong quá trình học tập sẽ hình thành và phát triển, nâng cao kỹ năng tìm kiếm các loại tài liệu khác nhau phục vụ cho việc học, sau này phục vụ cho quá trình làm việc của các em khi ra Trường.

*Thứ ba*, việc tìm hiểu, chuẩn bị tài liệu trước buổi học sẽ giúp việc dạy và học thuận lợi hơn. Ví dụ, đối với các môn học cơ bản, tài liệu chính là luật và thường có ở thư viện, học sinh có thể mượn. Tuy nhiên các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật thì học sinh phải tự tìm kiếm thông qua mạng internet, khi học sinh có kỹ năng, phương pháp, thực hiện được việc tìm kiếm văn bản, các tài liệu này và việc nghiên cứu trước tài liệu trước khi lên lớp sẽ giúp người học tiếp thu tốt hơn các kiến thức mà người dạy cung cấp.

*Thứ tư*, việc tìm kiếm và sử dụng tài liệu sẽ giúp thuận lợi cho học sinh trong việc tra cứu, đối chiếu về nội dung, hiệu lực của từng loại văn bản. Việc này sẽ giúp các em cập nhật và cũng cố kiến thức, có sự so sánh về nội dung của từng loại băn bản, tài liệu.

*c) Nhược điểm*

*Thứ nhất*, vốn Tiếng Việt của học sinh Lào còn nhiều hạn chế, do đó sẽ gặp khó khăn trong trong việc ghi nhớ các từ khóa để tìm kiếm các loại tài liệu.

*Thứ hai*, về cơ sở vật chất. Hiện nay, để phục vụ cho việc tra cứu, nhà trường đã trang bị 02 máy tính có kết nối internet, tuy nhiên số lượng máy tính so với số lượng học sinh là còn ít, chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Nhà trường ở xa trung tâm, không có cửa hàng photo nên học sinh có thể tìm được tài liệu nhưng không tìm được địa điểm để in, sao tài liệu.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

- Đối với giáo viên

+ Người dạy phải có kỹ năng tìm kiếm, tra cứu và sử dụng tài liệu.

+ Người dạy phải định hướng nội dung kiến thức, yêu cầu học sinh tìm kiếm.

+ Người dạy cung cấp các nguồn tra cứu cho học sinh và hướng dẫn cách tra cứu.

- Đối với học sinh

+ Ghi nhớ, tiếp thu các nội dung hướng dẫn của giáo viên.

+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu phục vụ việc dạy và học.

+ Thường xuyên tìm kiếm, tăng kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng tài liệu.

*e) Quy trình thực hiện*

*Thứ nhất*, đối với việc tìm kiếm tra, cứu văn bản quy phạm pháp luật.

*Bước 1:* Truy cập vào các website cung cấp hệ thống văn bản pháp luật như: Thư viện pháp luật: https://thuvienphapluat.vn/; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật: http://vbpl.vn/pages/portal.aspx.

*Bước 2:* Nhập các từ khóa để tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật cần tìm.

Ví dụ: Bộ luật Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2014; Nghị định 05/2015/NĐ-CP.

Hoặc các từ khóa liên quan đến tên gọi, lĩnh vực điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật (khi không nhớ số hiệu, tên văn bản) ví dụ: Nghị định hướng dẫn về Luật Đất đai; Nghị định hướng dẫn về hợp đồng lao động v.v…

*Bước 3:* Lựa chọn kết quả tìm kiếm, tải về (nếu cần thiết);

Một số lưu ý:

- Một số trang web khi người dùng muốn tải tài liệu cần tìm kiếm thì cần phải có tài khoản đăng nhập vào trang web đó, người dùng phải đăng ký tài khoản cá nhân thì mới thực hiện được việc tải tài liệu.

- Khi người học chỉ cần tìm kiếm một nội dung nhỏ các văn bản quy phạm pháp luật dài, nhiều nội dung điều chỉnh thì sử dụng tổ hợp phím: "Ctrl +F" sau đó gõ từ khóa là nội dung mình cần tìm kiếm.

- Thay vì chọn điều kiện chính xác cụm từ trên, có thể thêm dấu [“ngoặc kép”](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=%22lu%E1%BA%ADt%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%202012%22&area=0&type=0&status=0&lan=1&org=0&signer=0&match=True&sort=1&bdate=24/10/1934&edate=21/10/2014&chlbg=24/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank) vào từ khóa để tìm chính xác cụm từ. Hơn nữa, cách thêm dấu ngoặc có ưu điểm là có thể tìm cùng lúc [nhiều cụm từ chính xác](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=%22th%C3%B4ng%20t%C6%B0%22%20%22h%C6%B0%E1%BB%9Bng%20d%E1%BA%ABn%22%20%22Lu%E1%BA%ADt%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%22&area=0&type=0&status=0&lan=1&org=0&signer=0&match=True&sort=1&bdate=24/10/1934&edate=21/10/2014&chlbg=24/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank) mà khi chọn điều kiện chính xác cụm từ sẽ không ra kết quả được.

- Bấm [lọc kết quả theo lĩnh](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=th%E1%BB%A7%20t%E1%BB%A5c%20h%C3%A0nh%20ch%C3%ADnh%20H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&area=0&type=0&status=0&lan=0&org=0&signer=0&match=True&sort=1&bdate=21/10/1934&edate=21/10/2014&chlbg=21/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank) vực sau khi đã có kết quả tìm kiếm giúp người dùng giới hạn kết quả tìm kiếm, từ đó khả năng tìm chính xác văn bản sẽ cao hơn.

- Có thể dùng kết hợp nhiều điều kiện tìm kiếm để tìm chính xác văn bản.

Ví dụ 1: Cần tìm các thông tư ban hành từ 2012 đến nay, tình trạng còn hiệu lực thuộc lĩnh vực Thuế - Phí lệ phí thì làm như sau:

Loại văn bản: [chọn Thông tư](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=23&status=1&signer=0&bdate=01/01/2012&edate=21/10/2014&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=6&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Ngày ban hành: [chọn từ 01/01/2012 - ngày hiện tại](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=23&status=1&signer=0&bdate=01/01/2012&edate=21/10/2014&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=6&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Tình trạng văn bản: [chọn còn hiệu lực](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=23&status=1&signer=0&bdate=01/01/2012&edate=21/10/2014&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=6&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank).

[Bấm tìm kiếm.](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=23&status=1&signer=0&bdate=01/01/2012&edate=21/10/2014&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=6&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024)

Sau khi bấm tìm kiếm bấm tiếp vào [lĩnh vực thuế phí lệ phí](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=23&status=1&signer=0&bdate=01/01/2012&edate=21/10/2014&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=6&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank), con số văn bản trong kết quả hiện ra là văn bản người dùng cần tìm.

Ví dụ 2: Cần tìm văn bản về Thuế Thu nhập cá nhân, tình trạng còn hiệu lực được ban hành trong năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành thì làm như sau:

Gõ từ khóa: [Thuế thu nhập cá nhân](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=thu%E1%BA%BF%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n&area=0&type=0&status=1&lan=0&org=15&signer=0&match=False&sort=1&bdate=01/01/2014&edate=21/10/2014&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Kết quả phải: [chọn chính xác cụm từ trên](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=thu%E1%BA%BF%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n&area=0&type=0&status=1&lan=0&org=15&signer=0&match=False&sort=1&bdate=01/01/2014&edate=21/10/2014&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Tình trạng: [chọn còn hiệu lực](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=thu%E1%BA%BF%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n&area=0&type=0&status=1&lan=0&org=15&signer=0&match=False&sort=1&bdate=01/01/2014&edate=21/10/2014&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Cơ quan ban hành: [chọn Bộ Tài chính](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=thu%E1%BA%BF%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n&area=0&type=0&status=1&lan=0&org=15&signer=0&match=False&sort=1&bdate=01/01/2014&edate=21/10/2014&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Ban hành từ: [chọn từ 01/01/2014 đến 31/12/2014](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=thu%E1%BA%BF%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n&area=0&type=0&status=1&lan=0&org=15&signer=0&match=False&sort=1&bdate=01/01/2014&edate=21/10/2014&chlbg=22/10/1934&chlend=21/10/2024" \t "_blank)

Đối với việc tìm kiếm, tra cứu các tài liệu liên quan đến nghiên cứu các ngành khoa học pháp lý để tham khảo, người học tiến hành các bước tương tự, tìm kiếm tại các website như: http://luanvan.net.vn/; http://doc.edu.vn/default.aspx hoặc tìm kiếm theo các lĩnh vực được sắp xếp trên menu của các website.

*Thứ hai*, đối với việc sử dụng, khai thác tài liệu.

Khi đọc tài liệu, điều quan trọng nhất là người học phải biết mình cần thông tin gì từ tài liệu đó. Nếu bạn chỉ muốn nắm những điểm chính của vấn đề mà tài liệu đang đề cập thì có thể đọc lướt nhanh để trích ra những dữ liệu cần thiết. Còn nếu muốn hiểu tài liệu đó thật chi tiết thì phải đọc chậm đủ để hiểu hết những dữ liệu mà mình cần. Việc đọc lướt qua các tài liệucó quá nhiều thông tin chi tiết (đọc nhanh) sẽ giúp tiết kiệm thời gian, đọc chậm sẽ giúp người đọc ghi nhớ nhiều thông tin trong tài liệu một cách sâu sắc hơn.

Ngoài ra, người học có thể dùng bút nhớ nhiều màu để gạch nổi những nội dung quan trọng cần ghi nhớ; dùng giấy nhớ nhiều màu để đánh dấu loại văn bản trong từng tệp văn bản của từng ngành luật.

***3.2. Xây dựng “Sổ tay thuật ngữ pháp lý”***

*a) Khái niệm*

Sổ tay thuật ngữ pháp lý là một công cụ trong đó tập hợp các thuật ngữ chuyên ngành pháp luật có sự giải thích, lý giải đơn giản, dễ hiểu kèm các ví dụ thực tế phù hợp với khả năng tiếng Việt và nhận thức của Lưu học sinh Lào.

*b) Ưu điểm*

- Giúp học sinh hiểu khái quát các thuật ngữ của từng môn học trong chương trình đào tạo trung cấp pháp luật.

- Hệ thống hóa được các thuật ngữ pháp lý cơ bản của từng môn học.

- Trau dồi tiếng Việt và kỹ năng sử dụng tiếng Việt đặc biệt là các thuật ngữ chuyên ngành.

- Cơ sở ban đầu để học sinh tiếp cận với từng môn học.

*c) Nhược điểm*

- Phương pháp này đòi hỏi rất nhiều thời gian, công sức để tập hợp và giải thích các thuật ngữ đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tập hợp, tổng hợp, hệ thống hóa và trình độ hiểu biết của các giáo viên.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

\* Yêu cầu đối với giáo viên:

- Giáo viên cần có sự tổng hợp thuật ngữ một cách hệ thống và cơ bản nhất của môn học.

- Thuật ngữ cần được giải thích bằng ngôn ngữ tiếng Việt, không sử dụng các từ mượn, giải thích một cách đơn giản, ngắn gọn và dễ hiểu phù hợp với trình độ tiếng Việt và nhận thức của học sinh.

- Việc giải thích các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành đòi hỏi có sự tương thích với cách giải thích các thuật ngữ tương tự trong Từ điển Luật học.

- Xây dựng mẫu sổ tay thống nhất cho tất cả các môn học.

\* Yêu cầu đối với học sinh:

- Tăng cường hơn nữa khả năng đọc và nghiên cứu.

- Chủ động trong việc so sánh thuật ngữ tương tự trong tiếng Lào.

- Phiên dịch sang tiếng Lào.

*e) Quy trình thực hiện*

*Bước 1:* Rà soát, lựa chọn các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành của từng môn học.

*Bước 2:* Sắp xếp các thuật ngữ theo thứ tự trong Bảng chữ cái

*Bước 3:* Giải thích thuật ngữ

*Bước 4:* Cung cấp cho học sinh ngay từ buổi học đầu tiên của môn học

*Bước 5:* Yêu cầu học sinh tự nghiên cứu và dịch sang tiếng Lào các thuật ngữ.

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuật ngữ** | **Giải thích** |
| B | |
| Bội chi ngân sách nhà nước | Tổng số chi lớn hơn tổng số thu trong một năm  Ví dụ: Theo dự kiến ban đầu năm 2016  Thu: 1000 tỷ đồng  Chi: 700 tỷ đồng  Kết thúc năm 2016 số thu, chi như sau:  Thu: 1000 tỷ đồng  Chi: 1100 tỷ đồng  So với dự kiến ban đầu thì số chi lớn hơn so với số thu là 100 tỷ đồng |
| C | |
| Chấp hành ngân sách nhà nước | Thực hiện việc thu, chi trên thực tế theo các con số đã được vạch ra do Quốc Hội quyết định  Ví dụ: Kế hoạch thu năm 2016 do Quốc hội quyết định như sau:  - Con số phải thu:  + Thuế sử dụng đất nông nghiệp: 31 tỷ đồng  + Thuế thu nhập cá nhân: 64 tỷ đồng  + Thuế bảo vệ môi trường: 40 tỷ đồng…  Trên cơ sở các con số thu này, cơ quan thuế thực hiện việc thu thuế từ các cá nhân, tổ chức. |

***3.3. Hướng dẫn học sinh đi thực tế***

*a) Ưu điểm*

- Giúp học sinh áp dụng được các kiến thức pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

- Làm quen với thực tiễn.

- Ghi nhớ lâu hơn các quy định của pháp luật.

*b) Nhược điểm*

- Tốn nhiều thời gian.

- Phải có phương tiện đưa đón học sinh đi thực tế

*c) Những yêu cầu cơ bản*

*- Đối với giáo viên*

+ Truyền đạt đầy đủ các kiến thức pháp luật cho học sinh.

+ Lên kế hoạch triển khai đi thực tế.

+ Tổ chức cho học sinh đi thực tế phù hợp với nội dung giảng dạy.

+ Kiểm soát hoạt động thực tế của học sinh.

*- Yêu cầu đối với học sinh*

+ Nắm được các kiến thức pháp luật cơ bản của môn học.

+ Thực hiện kế hoạch đi thực tế theo sự phân công của giáo viên.

+ Nghiêm túc thực hiện kế hoạch đi thực tế.

+ Viết bài thu hoạch sau khi đi thực tế.

*d) Quy trình thực hiện*

*Bước 1:* Giáo viên truyền đạt các kiến thức pháp luật của môn học

*Bước 2:* Xây dựng kế hoạch đi thực tế

Trong kế hoạch phải thể hiện rõ thời gian, địa điểm, mục đích, ý nghĩa của hoạt động thực tế.

*Bước 3:* Triển khai hoạt động đi thực tế

Giáo viên triển khai hoạt động đi thực tế, quản lý học sinh trong suốt quá trình thực tế.

*Bước 4:* Viết bài thu hoạch sau khi đi thực tế

Sau khi đi thực tế, học sinh viết bài thu hoạch để đánh giá được sự tập trung của học sinh trong quá trình thực tế và chất lượng tiếp thu bài học trên lớp của học sinh.

***3.4. So sánh luật thực định***

*a) Khái niệm*

So sánh luật được áp dụng trong hoạt động giảng dạy là hoạt động xem xét, nghiên cứu và tiếp cận pháp luật trên bình diện của sự giao lưu quốc tế, qua đó xác định những điểm tương đồng và khác biệt nhằm làm rõ những vấn đề mang tính phương pháp luận.

*b) Ưu điểm*

- Cung cấp cho học sinh những hiểu biết về quy định pháp luật Việt Nam có liên quan đến từng môn học cụ thể và các quy định tương tự trong hệ thống pháp luật của nước Lào.

- Giúp học sinh có khả năng đối chiếu, so sánh trong hai hệ thống pháp luật.

*c) Nhược điểm*

- Đòi hỏi ở giáo viên có sự nghiên cứu sâu, hiểu biết về hệ thống pháp luật nước Lào cũng như các quy phạm, chế định lựa chọn so sánh.

- Tài liệu về văn bản pháp luật nước Lào bằng tiếng Việt không phổ biến; đòi hỏi giáo viên tiến hành dịch các văn bản pháp luật của nước Lào một cách chính xác, tránh trường hợp nhầm lẫn, sai nội dung cơ bản;

*d) Những yêu cầu cơ bản*

- Đối với giáo viên

Đặc thù của Lưu học sinh Lào tại Trường đều có vốn tiếng Việt hạn chế. Vì vậy, trong quá trình các em học các môn luật nói chung và các môn cơ sở nói riêng hầu hết gặp khó khăn trong việc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành cũng như nội dung cụ thể của từng quy phạm pháp luật. Việc áp dụng phương pháp so sánh luật trong hoạt động giảng dạy có thể giúp nâng cao chất lượng dạy và học cho học sinh, đồng thời với việc giáo viên cung cấp văn bản pháp luật bằng tiếng Lào sẽ giúp các em học sinh yếu hơn có thể nắm bắt được nội dung cơ bản của bài học. Bên cạnh đó, xét về môi trường làm việc của các em lưu học sinh sau khi tốt nghiệp, việc cung cấp cho các em kiến thức cơ bản về pháp luật nước Lào qua sự đối chiếu so sánh với pháp luật Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công việc của các em về sau. Tuy nhiên, khi áp dụng phương pháp giáo viên cần phải chú ý:

*Thứ nhất*, giáo viên xác định đây là một phương pháp hiệu quả nhưng sẽ gặp khó khăn trong việc tìm hiểu pháp luật nước ngoài bởi rào cản ngôn ngữ. Cụ thể: xác định văn bản pháp luật có quy định tương đương; văn bản đang có hiệu lực...

*Thứ hai*, về việc cân đối thời gian. Việc so sánh hai quy phạm, chế định của hai hệ thống pháp luật dẫn đến việc kéo dài thời gian giảng dạy trên lớp. Giáo viên cần linh hoạt trong quỹ thời gian.

- Đối với học sinh

Cần chủ động, tích cực tìm hiểu các quy định của hai hệ thống pháp luật dưới sự chỉ dẫn của giáo viên.

*e) Quy trình thực hiện*

Mỗi giáo viên khi áp dụng phương pháp so sánh luật cần thực hiện 02 giai đoạn:

*Thứ nhất*, giai đoạn chuẩn bị. Đối với từng môn học, giáo viên chủ động xây dựng các bước so sánh luật theo từng nội dung, cụ thể:

- Xác định vấn đề pháp luật cần so sánh. Giáo viên phụ trách môn học căn cứ vào nội dung môn học, xác định chế định, quy phạm pháp luật cần so sánh, đồng thời cũng cần xác định rõ mục đích của việc so sánh luật;

- Lựa chọn chế định, quy phạm pháp luật để so sánh. Đây là hoạt động quan trọng đòi hỏi giáo viên phải biết chính xác các chế định, quy phạm pháp luật của hai nước cùng điều chỉnh 1 vấn đề. Hay nói cách khác: Chế định nào trong hệ thống pháp luật trong nước thực hiện chức năng tương đương với chế định trong hệ thống pháp luật nước CHDCND Lào về vấn đề pháp lý lựa chọn so sánh;

- Mô tả các vấn đề pháp lý được lựa chọn của 02 hệ thống. Giáo viên thực hiện việc nghiên cứu, tìm hiểu các nội dung của vấn đề pháp lý được lựa chọn phù hợp với nội dung bài giảng trên lớp;

- Xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa các vấn đề pháp lý được so sánh. Từ kết quả nghiên cứu tìm hiểu, giáo viên lập bảng so sánh đối chiếu điểm tương đồng và khác biệt, xác định các tiêu chí so sánh cụ thể;

- Giải thích nguồn gốc của những điểm tương đồng và khác biệt, đồng thời phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế giữa các vấn đề pháp lý được so sánh.

*Thứ hai*, giai đoạn giảng dạy trên lớp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| 1 | - Cung cấp học sinh bản các văn bản pháp luật đồng thời chỉ ra cụ thể nội dung các phần liên quan đến bài học ngày hôm sau (Bằng tiếng Lào và tiếng Việt).  - Yêu cầu học sinh về tự đọc và nghiên cứu. Giáo viên hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh. | - Học sinh tự nghiên cứu, tìm hiểu dựa trên nội dung các quy định của văn bản pháp luật giáo viên cung cấp.  - Lập bảng so sánh. |
| 2 | Giáo viên tiến hành giảng nội dung bài học theo đề cương môn học. Những phần xác định trước có vấn đề pháp lý cần so sánh, giáo viên thực hiện giảng song song vấn đề lựa chọn so sánh, đồng thời yêu cầu học sinh trình bày kết quả nghiên cứu ở nhà. | - Học sinh lắng nghe các nội dung bài học.  - Trình bày kết quả nghiên cứu ở nhà. |
| 3 | Giáo viên chốt lại vấn đề pháp luật so sánh. Giải thích nguồn gốc của những điểm tương đồng và khác biệt, đồng thời phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế giữa các vấn đề pháp lý được so sánh. Bên cạnh đó cần phát triển các tình huống thực tiễn liên quan đến việc áp dụng đồng thời các quy định. | Học sinh tiếp thu và trả lời câu hỏi của giáo viên. |

***3.5. Tổ chức trò chơi***

Trong những năm gần đây, phong cách giảng giải, thầy đọc trò chép trong thời gian dài trước đó đã không còn phù hợp với nhiều ngành học, môn học khác nhau. Sự bùng nổ của internet, kéo theo sự chia sẻ thông tin mạnh mẽ từ cộng đồng mạng khiến những kiến thức mà người thầy nắm giữ không còn là độc tôn. Thực tế đòi hỏi các thầy giáo, cô giáo cần phải không ngừng tìm tòi, tích lũy kinh nghiệm, sáng tạo ra những ý tưởng hay, để từ đó có thể tạo ra một giờ giảng sinh động, ấn tượng và chuyển tải kiến thức đến người học một cách hiệu quả nhất. “Trò chơi học tập” là sự lựa chọn của rất nhiều thầy cô trước áp lực thay đổi phương pháp dạy học để thu hút người học và đạt mục tiêu bài giảng. Nó là chiếc cầu nối đắc lực, hữu hiệu và tự nhiên giữa giáo viên và người học. Thông qua trò chơi, ý nghĩa của nội dung bài học được truyền tải đến người nghe một cách nhẹ nhàng, sinh động nhưng đầy sâu sắc dễ hiểu.

Thông thường con người chỉ nhớ: 10% những gì họ “ĐỌC”, 20% những gì họ “NGHE”, 30% những gì họ “THẤY”, 50% những gì họ “NGHE VÀ THẤY”, 80% những gì họ “NÓI”, 90% những gì họ “NÓI VÀ LÀM”, tức là khi họ “TỰ KHÁM PHÁ”. Vì vậy, nếu giáo viên tạo được cảm xúc, sự thích thú thì động cơ và thay đổi của người học sẽ được kích thích và thúc đẩy. Trò chơi không những giúp người học gần gũi, cởi mở và tạo sự chú ý của người học đối với nội dung bài giảng, mà còn khuyến khích người học tiếp thu bài một cách tự nhiên, không gượng ép và khô cứng. Từ đó, nó thúc đẩy người học hành động, áp dụng bài học vào thực tiễn.

*a) Khái niệm*

Phương pháp sử dụng trò chơi học tập được hiểu là dạy học thông qua việc tổ chức hoạt động cho học sinh. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, người học được hoạt động bằng cách tự chơi trò chơi, trong đó mục đích của trò chơi chuyển tải mục tiêu của bài học. Luật chơi thể hiện nội dung và phương pháp học, đặc biệt là phương pháp học tập có sự hợp tác và sự tự đánh giá.

Trong thực tế dạy học, giáo viên thường tổ chức trò chơi học tập để củng cố kiến thức, kỹ năng. Tuy nhiên, việc tổ chức cho người học chơi các trò chơi để hình thành kiến thức, kỹ năng mới là rất cần thiết để tạo hứng thú học tập cho người học ngay từ khi bắt đầu học bài mới.

Các trò chơi có thể áp dụng trong giảng dạy các môn cơ sở như: Lucky number, vỗ bảng, ai là triệu phú, ghép câu v.v…

*b) Ưu điểm*

- Trò chơi học tập là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn người học do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của các em với bài học.

- Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lý thuyết mới.

- Bổ trợ kiến thức cho người học bằng cách rèn luyện cho người học các kỹ năng mềm, phong thái tự tin.

- Trò chơi có nhiều người học tham gia sẽ tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng học tập, hợp tác, làm việc nhóm cho học sinh.

*c) Nhược điểm*

- Phương pháp này được thực hiện hay không chủ yếu phụ thuộc tinh thần, trách nhiệm, sự sáng tạo của các giáo viên.

- Phụ thuộc vào ý thức tham gia của học sinh.

- Khó củng cố kiến thức, kỹ năng một cách có hệ thống

- Người học dễ sa đà vào việc chơi mà ít chú ý đến tính chất học tập của các trò chơi.

*d) Những yêu cầu cơ bản*

- Đối với giáo viên

*+* Xác định đây là một phương pháp có nhiều hiệu quả cao đối với việc tạo sự kích thích và tạo sự hưng phấn tham gia vào bài giảng của người học, do vậy giáo viên cần tránh thái độ, tâm lý e ngại hoặc thực hiện nửa vời, không duy trì thường xuyên đối với mỗi giờ giảng lên lớp, điều này rất quan trọng trong xác định tâm thế để thực hiện nội dụng một giờ giảng theo phương pháp này.

*+* Chuẩn bị đầy đủ và kỹ nội dung giảng dạy và cách tổ chức sinh hoạt trò chơi kèm theo các dụng cụ cần thiết và biết dự đoán trước mọi tình huống có thể xảy ra để không bị bất ngờ và có khả năng tùy cơ ứng biến. Giáo viên cần tạo một ấn tượng ban đầu tốt đẹp cho người học. Ấn tượng ban đầu tốt (hòa nhã, vui tính, thân thiện, không đe dọa...) sẽ giúp giáo viên dễ thành công trong các buổi dạy tiếp theo. Khi người học có cảm tình với giáo viên, họ sẽ hợp tác tích cực với giáo viên - Bầu không khí sẽ trở nên sôi động và tự nhiên - Người học không còn cơ chế phòng vệ.

Ngoài ra, phương pháp này đòi hỏi giáo viên phải thành thạo các kỹ năng, thiết kế giáo án điện tử phong phú.

*+* Biết làm chủ thời gian, kiểm soát được tiến trình hoạt động, nếu không trò chơi sẽ phản tác dụng. Người học không có cơ hội có ý tưởng mới rút ra từ sinh hoạt, thậm chí có khi họ bị bối rối thêm. Nên dành khoảng thời gian vừa đủ để người học hồi tưởng lại sinh hoạt đã qua và rút ra điều gì cần thiết liên quan với đề tài, mục tiêu giảng dạy. Nếu dành thời gian nhiều quá để chơi, cuối cùng ta sẽ không rút ra được bài học gì vì đã quá giờ.

*+* Trò chơi được chọn tốt, phù hợp với lứa tuổi, tâm trạng của người học, phù hợp với nội dung giảng dạy sẽ gây nhận thức khó quên nơi người học. Mục đích của trò chơi phải thể hiện mục tiêu của bài học hoặc một phần của chương trình học.

*+* Trò chơi khởi động lúc bắt đầu buổi học là rất cần thiết để tạo bầu không khí thân thiện, nhờ đó mà người học dễ tham gia hơn ở phần nội dung chính. Khi triển khai, giáo viên cần lựa chọn dụng cụ chơi đơn giản, dễ làm hoặc tìm kiếm tại chỗ.

- Đối với học sinh

+ Cần chủ động, tích cực tham gia trải nghiệm các phương pháp dưới sự điều hành của giáo viên.

+ Tổ chức thực hiện các phương pháp này cần có sự chuẩn bị trước, hệ thống các câu hỏi phải được chuẩn chỉnh.

*e) Quy trình thực hiện*

Giáo viên cần sử dụng kết hợp 3 loại trò chơi: trò chơi khởi động, trò chơi kích thích học tập và trò chơi khám phá tri thức. Các bước thực hiện như sau:

*Bước 1.* Giáo viên giới thiệu tên, mục đích trò chơi

*Bước 2.* Hướng dẫn chơi. Bước này bao gồm những việc làm sau:

- Tổ chức người tham gia trò chơi: Số người tham gia, số đội tham gia (mấy đội chơi), quản trò, trọng tài.

- Các dụng cụ dùng để chơi (giấy khổ to, quân bài, thẻ từ, cờ…)

- Cách chơi: Từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm.

- Cách xác nhận kết quả và cách tính điểm chơi, cách tính giải của cuộc chơi (nếu có).

*Bước 3.* Thực hiện trò chơi

*Bước 4.* Nhận xét sau cuộc chơi... Bước này bao gồm những việc làm sau:

Giáo viên hoặc trọng tài là người học nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

- Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải (nếu có).

- Một số người học nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

   Mỗi phương pháp truyền thống hay hiện đại cũng đều có những đặc điểm, ưu thế và nhược điểm riêng. Không có phương thuốc nào có thể chữa được bách bệnh, không có phương pháp giảng dạy nào là *“chìa khoá vạn năng”.* Việc nghiên cứu kỹ từng bài dạy, từng đặc điểm môn học và đối tượng người học để có sự phối kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy là việc cần làm ngay của mỗi giáo viên để nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng bước phát triển tiếp theo của Nhà trường.